



bàng

棒

stick; staff; excellent

Common Words

bàng zi

棒子

stick, club; (slang) Korean person

bàng qiú

棒球

baseball

gùn bàng

棍棒

club; cudgel; bludgeon

Trace each stroke, then write the character on your own.

棒	棒	棒	棒	棒	棒	棒	棒	棒	棒	棒
棒	棒	棒	棒							